TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 74/2024/DS-ST
Ngày 30/5/2024
Về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐĂK LĂK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Kam Ênuôl

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Tùng Mận.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Vi - Thư ký Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Linh - Kiểm sát viên

Ngày 30/5/2024, tại Toà án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 624/2023/TLST-DS ngày 31/10/2023 về việc *"Kiện đòi tài sản"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2024/QĐXXST-DS ngày 22/4/2024 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Bùi Thị Xuân H.

Địa chỉ: Số nhà D V, phường K, Tp ., tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

*** Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Thu C.

Địa chỉ: Số nhà D V, phường K, Tp ., tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Nguyên đơn bà Bùi Thị Xuân H trình bày:** Tôi và bà Nguyễn Thị Thu C là hàng xóm nhà gần nhau. Vào ngày 26/6/2018 tôi có cho bà C mượn số tiền 20.000.000 đồng để bà C buôn bán, hẹn tôi tới ngày 26/8/2018 sẽ trả. Còn Việc bà H nói cho bà T mượn giùm là tôi không biết. Việc này bà C và bà T tự làm việc với nhau.

Ngày 07/2/2020 bà C mượn tiếp của tôi số tiền 12.000.000 đồng và hẹn ngày 08/3/2020 sẽ trả. Tuy nhiên sau khi vay mượn thì bà C không thực hiện

như thỏa thuận. Tôi qua nhà bà C nhiều lần nhưng bà C cứ hẹn làm sổ đỏ rồi vay trả cho đến nay thì bà C nói không trả cho tôi. Việc bà C nói có đưa cho anh Bùi Gia B 2.000.000 đồng là trừ vào nợ, bà C có đưa cho tôi 26 kg cà phê với giá 85.000 đồng/kg vào năm 2022, bà C có đưa cho tôi tôm sống với 900.000 đồng và 2 bao gạo với giá trị 700.000 đồng, sau khi trừ đi đối với khoản vay ngày 07/2/2020 bà C chỉ còn nợ tôi là 6.190.000 đồng. Đối với chồng bà C là ông Hồ Sỹ P không biết và không liên quan đến khoản vay này giữa tôi và bà C. Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Thu C phải trả cho tôi số tiền nợ gốc của 2 khoản vay gốc là 26.190.000 đồng, Đối với lãi suất thì tôi không yêu cầu và đề nghị Tòa án đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi suất đối với khoản vay này.

*** Trong quá trình làm việc bị đơn bà Nguyễn Thị Thu C trình bày**: Tôi và bà Bùi Thị Xuân H là hàng xóm quen biết nhau nên, vào ngày 26/6/2018 tôi có ký xác nhận vào giấy mượn tiền với số tiền 20.000.000 đồng cho em tôi là Nguyễn Thị Thu T1, đối với giấy vay tiền này tôi và chồng tôi không liên quan. Tôi không có nhận và sử dụng số tiền này, bà T1 là người nhận nên bà T1 là người chịu trách nhiệm. Khi ký giấy vay mượn thì tôi không có đọc nội dung. Tôi chỉ có ký chỗ người mượn. Lãi suất chúng tôi thỏa thuận là 1.200.000 đồng/tháng/20.000.000 đồng và số tiền lãi này bà T1 là người trả cho bà H. Việc bà T1 trả nợ cho bà H như thế nào thì tôi có biết bà T1 có trả lãi tổng cộng 24.000.000 đồng đến khi dịch thì bà T1 không trả lãi cho bà H nữa. Số tiền gốc thì chưa trả cho bà H. Nay bà H yêu cầu tôi trả số tiền 20.000.000 đồng và lãi suất thì tôi không đồng ý vì số tiền này tôi mượn giùm cho bà T1.

Đối với giấy vay mượn 12.000.000 đồng vào ngày 07/02/2020 thì tôi có ký vào giấy vay mượn nhưng thực chất thì tôi chỉ có vay 10.000.000 đồng còn 2.000.000 đồng là tiền lãi một tháng nhưng ghi gộp lại là 12.000.000 đồng. Khi vay chúng tôi không ghi lãi suất nhưng có thỏa thuận bằng miệng là 2.000.000 đồng là tiền lãi của 10.000.000 đồng trong một tháng. Nay tôi xác nhận khoản nợ 12.000.000 đồng tôi chỉ còn nợ bà H số tiền 6.190.000 đồng như bà H đã trình bày ở trên. Tôi đồng ý trả cho bà H số tiền 6.190.000 đồng còn lại trong giấy vay 12.000.000 đồng.

Đối với sự việc vay mượn tiền ở trên do tôi trực tiếp ký xác nhận không liên quan đến chồng tôi là ông Hồ Sỹ P, sự việc vay mượn không phục vụ mục đích gia đình, chỉ phục riêng cho bản thân và cá nhân tôi. Vì vậy, việc bà H chỉ khởi kiện mình tôi là đúng theo quy định của pháp luật, tôi đề nghị Tòa án không triệu tập chồng tôi lên vì ảnh hưởng đến gia đình tôi.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Đây là *"Tranh chấp kiện đòi tài sản"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Xuân H. Buộc bà Nguyễn Thị Thu C phải trả cho bà Bùi Thị Xuân H với tổng số tiền là 26.190.000 đồng, trong đó: khoản vay thứ nhất ngày 26/6/2018 là 20.000.000 đồng và khoản vay thứ 2 ngày 07/02/2020 là 6.190.000.

Đối với lãi suất của 02 khoản vay trên do bà Bùi Thị Xuân H đã rút và không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện tính lãi suất đối với khoản vay này.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu Thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp:

Căn cứ nội dung đơn khởi kiện, hồ sơ vụ án thì theo giấy vay nợ ngày 26/6/2018 bà H có cho bà C mượn số tiền 20.000.000 đồng để bà C buôn bán và hẹn đến ngày 26/8/2018 sẽ trả. Đến ngày 07/2/2020 bà C mượn tiếp của số tiền 12.000.000 đồng và hẹn ngày 08/3/2020 sẽ trả. Quá trình giải quyết vụ án bà chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu C phải trả số tiền nợ gốc của 2 khoản vay là 26.190.000 đồng và xin rút đối yêu cầu tính lãi suất đối với 02 khoản vay này. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về hợp đồng dân sự *"Tranh chấp kiện đòi tài sản"* theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét bị đơn – bà Nguyễn Thị Thu C có nơi cư trú tại thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án xét thấy các đương sự đều chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

Về sự vắng mặt của bị đơn bà Nguyễn Thị Thu C tại phiên Tòa: Trước khi mở phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Thu C đã được Tòa án tiến hành tống đạt

hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng bà Nguyễn Thị Thu C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị Thu C.

Trong quá trình làm việc bà C xác định khoản vay 20.000.000 đồng là mượn thay bà Nguyễn Thị Thu T1 tuy nhiên bà H không thừa nhận và xác định không giao dịch vay mượn tiền gì với bà T1, đối chiếu với các giấy nhận nợ đều không thể hiện và có chữ ký của bà T1. Tòa án đã đề nghị bà Cúc cung c đầy đủ thông tin địa chỉ của bà T1 để Tòa án triệu tập lên làm việc và đối chất. Tuy nhiên, bà C không cung cấp đầy đủ thông tin bà T1 do đó Tòa án không thể xác minh và triệu tập bà T1 lên làm việc theo quy định của Luật tố tụng dân sự. Tòa án cũng đã tiến hành xác minh địa chỉ của bà T1 do bà Cúc cung c tại đường N, phường T, thành phố B nhưng không tra cứu được thông tin vì không đầy đủ thông tin.

[3]. Về nội dung tranh chấp:

Căn cứ vào lời khai nhận của nguyên đơn, bị đơn và tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án xác định: Theo giấy vay nợ ngày 26/6/2018 bà H có cho bà C mượn số tiền 20.000.000 đồng để bà C buôn bán và hẹn đến ngày 26/8/2018 sẽ trả. Đến ngày 07/2/2020 bà C mượn tiếp của số tiền 12.000.000 đồng và hẹn ngày 08/3/2020 sẽ trả. Như vậy bà C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như hai bên đã viết giấy cam kết như sau: khoản vay thứ nhất ngày 26/6/2018 là 20.000.000 đồng, khoản vay thứ 2 ngày 7/02/2020 là 6.190.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án bà H yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu C phải trả số tiền nợ gốc của 2 khoản vay là 26.190.000 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

3.1. Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định ngày 26/6/2018 bà H có cho bà C mượn số tiền 20.000.000 đồng để bà C buôn bán và hẹn đến ngày 26/8/2018 sẽ trả. Đến ngày 07/2/2020 bà C mượn tiếp của số tiền 12.000.000 đồng và hẹn ngày 08/3/2020 sẽ trả. Trong quá trình làm việc bà C xác nhận đối với khoản vay 20.000.000 đồng bà chỉ mượn thay bà T1 là em gái của bà C, tuy nhiên bà H không đồng ý và xác định bà H không biết, không liên quan gì đến bà T1 bản thân trong giấy vay nợ ngày 26/6/2018 cũng không thể hiện là có chữ ký hay chữ viết ghi tên bà Nguyễn Thị Thu T1. Do vậy việc bà C xác nhận đối với khoản vay này chỉ mượn thay bà T1 nên không có trách nhiệm trả đối với khoản nợ này là không có cơ sở chấp nhận mà cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H và buộc bà C phải trả toàn bộ số tiền này cho bà H. Đối với khoản nợ ngày 07/02/2020 bà C mượn tiếp của số tiền 12.000.000 đồng trong quá trình làm việc các bên đều xác nhận và đồng ý đối với khoản này bà C chỉ còn nợ số tiền 6.190.000 đồng, nên việc bà H khởi kiện buộc buộc bà C phải trả lại số tiền này là có căn cứ chấp nhận.

3.2. Đối với ông Hồ Sỹ P là chồng của bà Nguyễn Thị Thu C: Theo đơn khởi kiện và trong quá trình làm việc các bên đều xác nhận ông P không liên

quan đến khoản nợ giữa bà H và bà C cụ thể khoản nợ: ngày 26/6/2018 bà H có cho bà C mượn số tiền 20.000.000 đồng và khoản nợ ngày 07/02/2020 bà C mượn tiếp của số tiền 12.000.000 đồng. Ngoài ra, bà H và bà C cũng đều xác nhận khi tiến hành ký giấy vay mượn tiền chỉ có bà H và bà C tiến hành ký kết với nhau, khoản vay trên để sử dụng vào mục đích riêng của bà C không liên quan đến việc chi tiêu, sử dụng trong gia đình, khoản vay trên ông P đều không biết và không ký vào bất kỳ vào giấy vay nợ nào. Bản thân bà H và bà C cũng đều xác nhận không đề nghị triệu tập ông P lên vì không liên quan đến khoản vay ở trên. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là khoản nợ riêng giữa bà H và bà C không liên quan đến ông P và việc triệu tập ông P là không cần thiết.

Hội đồng xét xử nhận thấy có giao dịch dân sự vay mượn tiền giữa bà Bùi Thị Xuân H và bà Nguyễn Thị Thu C xảy ra trên thực tế, do đó bà H khởi kiện yêu cầu bà C trả toàn bộ số tiền 26.190.000 đồng là có căn cứ. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi của nguyên đơn bà Bùi Thị Xuân H Hội đồng xét xử cần chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn để buộc bà Nguyễn Thị Thu C phải trả toàn bộ số tiền nợ 26.190.000 đồng.

3.3. Đối với yêu cầu trả lãi suất đối với số tiền trên: Trong quá trình làm việc bà H đã rút yêu cầu về việc trả lãi suất đối với khoản vay này nên Hội đồng xét xử cần đình chỉ yêu cầu này của bà Bùi Thị Xuân H.

[4]. Về án phí:

Căn cứ vào nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn – bà Bùi Thị Xuân H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền 1.084.900 đồng tiền tạm ứng án phí do ông Đặng Văn T2 đã nộp thay theo biên lai số: AA/2023/0004179 ngày 26/10/2023 tại chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Bị đơn – bà Nguyễn Thị Thu C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định cua pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 161; Điều 207; Điều 220; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 163; Điều 164; Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Xuân H.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu C phải trả cho bà Bùi Thị Xuân H với tổng số tiền là **26.190.000 đồng**, trong đó: khoản vay thứ nhất ngày 26/6/2018 là 20.000.000 đồng và khoản vay thứ 2 ngày 07/02/2020 là 6.190.000.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu Thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

1.2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Xuân H về việc tính lãi suất đối với khoản nợ **26.190.000 đồng.**

2. Về án phí:

Nguyên đơn – bà Bùi Thị Xuân H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền 1.084.900 đồng tiền tạm ứng án phí do ông Đặng Văn T2 đã nộp thay theo biên lai số: AA/2023/0004179 ngày 26/10/2023 tại chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Bị đơn – bà Nguyễn Thị Thu C phải chịu 1.309.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định cua pháp luật.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thị hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi ành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*"

*** <u>Nơi nhận</u>:**
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Y Kam Ênuôl